



Ảnh hưởng của hỗ trợ thương mại từ Mỹ đến xuất khẩu thủy sản vào thị trường Mỹ: Trường hợp các quốc gia thu nhập thấp và trung bình

PHẠM THỊ BÍCH NGỌC ^a, TRƯƠNG THỊ THÙY TRANG ^b

^a Trường Đại học Hoa Sen

^b Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 02/05/2018 Ngày nhận lại: 03/07/2018 Duyệt đăng: 17/07/2018 Mã phân loại JEL: F14, F13, C33 Từ khóa: Hỗ trợ thương mại; Xuất khẩu; Ngành thủy sản; Dữ liệu bảng; thị trường Mỹ.	Hỗ trợ thương mại là hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật nhằm tạo điều kiện cho các nước hội nhập kinh tế thế giới thông qua các biện pháp thúc đẩy thương mại. Do vậy, hỗ trợ thương mại từ các nước nhập khẩu có thể mang lại lợi ích cho các nước xuất khẩu, đặc biệt là cho các nước đang phát triển. Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu tác động của hỗ trợ thương mại từ Mỹ đến 46 quốc gia thu nhập thấp và trung bình khi xuất khẩu thủy sản vào Mỹ giai đoạn 2001–2014. Kết quả nghiên cứu cho thấy hỗ trợ thương mại từ Mỹ có tác động tích cực đến xuất khẩu thủy sản của các nước thu nhập trung bình và thấp vào thị trường Mỹ. Ngoài ra, nghiên cứu còn tìm ra tác động của các yếu tố khác đến xuất khẩu như: Chi phí thương mại có tác động nghịch biến và tỷ giá hối đoái có tác động đồng biến đối với xuất khẩu; đặc biệt, sự ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế làm giảm tác động của hỗ trợ thương mại đối với xuất khẩu. Abstract Trade facilitation is the financial and technical support that facilitates the integration of countries into the world economy through measures in order to promote trade. Therefore, trade facilitation from importing

^a ngoc.phamthibich@hoasen.edu.vn, * tác giả liên hệ.

^b trangthuy300891@gmail.com

Trích dẫn bài viết: Phạm Thị Bích Ngọc, & Trương Thị Thùy Trang. (2018). Ảnh hưởng của hỗ trợ thương mại từ Mỹ đến xuất khẩu thủy sản vào thị trường Mỹ: Trường hợp các quốc gia thu nhập thấp và trung bình. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 29(7), 52–64.

Keywords:

Trade facilitation;
Exports;
Seafood industry;
Panel data;
U.S. market.

countries can benefit exporters, especially for developing countries. This paper focuses on the impact of U.S. trade support on 46 low- and middle-income countries which exported seafood to the United States from 2001 to 2014. The findings of this study show that trade support from the United States has a positive impact on the exports of seafood products of middle- and low-income countries to the American market. In addition, the study finds the effects of other factors such as trade costs and exchange rates which are negatively and positively associated with exports, respectively. In particular, the economic crisis reduces the impact of trade support on exports.

1. Giới thiệu

Trong thương mại quốc tế, các nước phát triển có xu thế tập trung nguồn lực vào những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, do vậy, họ có thể hỗ trợ các nước đang phát triển thúc đẩy xuất khẩu những sản phẩm nguyên liệu thô hoặc ít giá trị gia tăng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân và sản xuất trong nước. Trong đó, ngành thủy sản đóng một vai trò quan trọng trong an ninh lương thực toàn cầu và nhu cầu dinh dưỡng của người dân, đặc biệt ở các nước phát triển. Theo báo cáo của FAO¹ (2014), các nước nhập khẩu thủy sản thuộc nhóm nước phát triển chiếm khoảng 69% sản lượng nhập khẩu toàn cầu, các nước đang phát triển xuất khẩu 56% các sản phẩm thủy sản.

Thị trường Mỹ phụ thuộc vào nhập khẩu ngành hàng thủy sản. Spanos và Hreinsson (2015) đã có báo cáo về thị trường thủy sản Mỹ với số liệu nhập khẩu khoảng 90% thủy sản, tổng nhập khẩu thủy sản tăng 81% từ 11,4 tỷ USD trong năm 2004 lên 20,6 tỷ USD trong năm 2014. Trong giai đoạn 2005–2009, tổng kim ngạch nhập khẩu vào Mỹ tăng trưởng với tốc độ trung bình hàng năm khoảng 3,4%. Tốc độ tăng trưởng trung bình toàn giai đoạn 2004–2014 tăng lên ở mức khoảng 9,3%. Đặc biệt trong năm 2014, thương mại thủy sản Mỹ thâm hụt 14,3 tỷ USD và là một trong số những ngành hàng có thâm hụt thương mại lớn nhất.

Liệu rằng có sự hỗ trợ của Mỹ vào các nước xuất khẩu thủy sản? Và các hỗ trợ thương mại có góp phần thúc đẩy xuất khẩu thủy sản từ các nước này vào thị trường Mỹ? Nghiên cứu này hướng đến mục tiêu xác định tác động của hỗ trợ thương mại từ Mỹ đến xuất khẩu thủy sản của các nước thu nhập thấp và trung bình có quan hệ thương mại với Mỹ. Đi sâu vào lĩnh vực này, Stiglitz và Charlton (2006) đã khẳng định hỗ trợ thương mại như một điều kiện tiên quyết để cải cách thương mại và tiếp cận thị trường ở các nước. Tuy vậy, các nghiên cứu thực nghiệm cho những kết quả khác nhau, cụ thể, một số nghiên cứu kết luận hỗ trợ thương mại có tác động tích cực đối với xuất khẩu như: Vijil và Wagner (2010), Cali và Velde (2009), Ghimiree và cộng sự (2016); ngược lại, một vài nghiên cứu khác không tìm thấy bất kỳ sự tương quan nào giữa hỗ trợ thương mại và hoạt động xuất khẩu, như: Kiute và cộng sự (2015), Dinç và Özenc (2014).

Bằng phương pháp xử lý dữ liệu bảng với mẫu nghiên cứu gồm 46 nước thu nhập thấp và trung bình xuất khẩu thủy sản vào thị trường Mỹ trong giai đoạn 2001–2014 (Bảng 2), nghiên cứu đã tìm

¹ Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (Food and Agriculture Organization of the United Nations - FAO)

thấy ảnh hưởng tích cực của hỗ trợ thương mại đến xuất khẩu thủy sản. Ngoài ra, nghiên cứu còn tìm ra tác động của các yếu tố khác đến xuất khẩu như: Chi phí thương mại có tác động nghịch biến, tỷ giá hối đoái có tác động đồng biến đối với xuất khẩu; và đặc biệt, sự ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế làm giảm tác động của hỗ trợ thương mại đối với xuất khẩu. Khác với các nghiên cứu trước chỉ tập trung vào ảnh hưởng của hỗ trợ thương mại chung vào tổng xuất khẩu, nghiên cứu này lần đầu tiên tập trung vào tác động hỗ trợ từ nước Mỹ (nước nhập khẩu thủy sản) vào xuất khẩu thủy sản của các nước thu nhập trung bình và thấp.

Sau phần giới thiệu, nghiên cứu được cấu trúc gồm 4 phần: Phần 2 trình bày cơ sở lý thuyết; phần 3 sơ lược về phương pháp và dữ liệu nghiên cứu; phần 4 tóm lược kết quả nghiên cứu và thảo luận; và cuối cùng là phần 5, kết luận.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Cơ sở lý thuyết nền tảng

Stiglitz và Charlton (2006) khẳng định hỗ trợ thương mại như một điều kiện tiên quyết để cải cách thương mại và tiếp cận thị trường ở các nước, và là chất xúc tác để tăng cường xuất khẩu. Hỗ trợ thương mại là một phương tiện hỗ trợ các nước khai thác đầy đủ các cơ hội hiện có để tham gia vào thị trường thương mại thế giới.

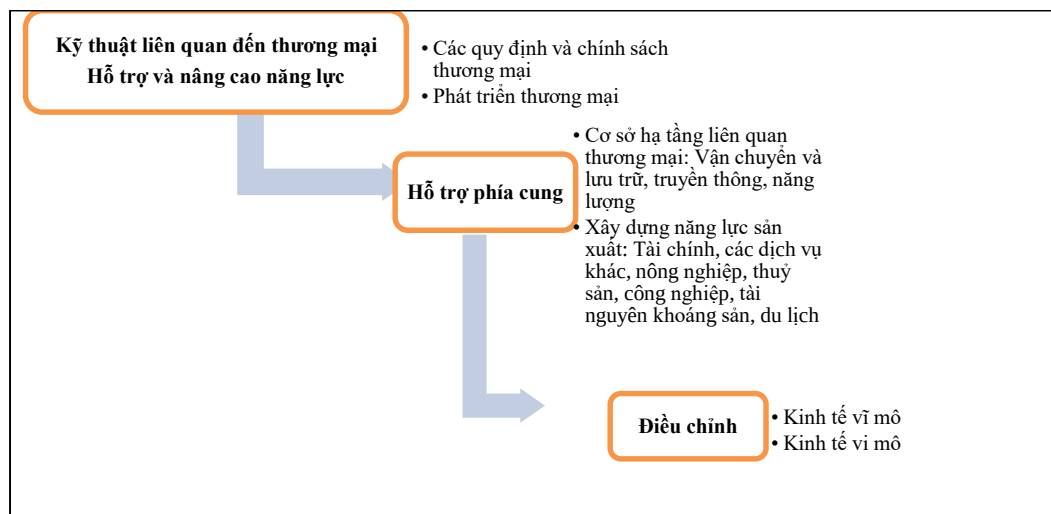
Theo OECD² (2006), hỗ trợ thương mại gồm ba nhóm chính là: (1) Hỗ trợ liên quan đến cơ sở hạ tầng kinh tế, bao gồm: Vận tải và lưu trữ, truyền thông, cung cấp năng lượng; (2) Hỗ trợ cho năng lực sản xuất, bao gồm: Dịch vụ ngân hàng và tài chính, kinh doanh và các dịch vụ khác, nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, tài nguyên khoáng sản và khai thác mỏ, du lịch; và (3) Hỗ trợ chính sách và quy định thương mại, bao gồm: Chính sách thương mại và các quy định, các can thiệp điều chỉnh liên quan đến thương mại.

Theo WTO³/OECD Trade Capacity Building Database (2006), hỗ trợ thương mại nhằm giúp các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước kém phát triển nhất xây dựng năng lực thương mại và cơ sở hạ tầng cần có để hưởng lợi từ việc mở cửa thương mại, nhờ đó tăng cường khả năng cung ứng hàng hoá, và khắc phục những hạn chế về khả năng cạnh tranh. Hỗ trợ thương mại ngày càng trở thành một thành phần quan trọng của hoạt động thương mại, là cơ sở để thúc đẩy sự hội nhập của các nước vào nền kinh tế thế giới. Lý do của hỗ trợ thương mại là giúp hỗ trợ các nước trong việc tăng cường tiếp cận thị trường và tăng năng lực xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ. Như vậy, các nước có thể tăng cường phát triển tăng trưởng quốc gia cũng như cải cách thương mại đa phương. Theo đó, các chính sách được khuyến khích thực hiện nhằm hỗ trợ các nước đang phát triển đẩy mạnh xuất khẩu và hội nhập vào hệ thống thương mại toàn cầu bao gồm: (1) Đào tạo và nâng cao năng lực trong xây dựng chính sách thương mại tự do, tham gia đàm phán và thực hiện các hiệp định thương mại; (2) Phát triển thương mại thông qua hoạt động thúc đẩy đầu tư và dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động thương mại; (3) Đầu tư cơ sở hạ tầng liên quan đến thương mại: Đầu tư vào cơ sở hạ tầng, như: Đường xá, bến cảng, viễn thông, hệ thống năng lượng – cần liên kết sản phẩm với thị trường toàn cầu; (4) Xây

² Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Co-operation and Development – OECD)

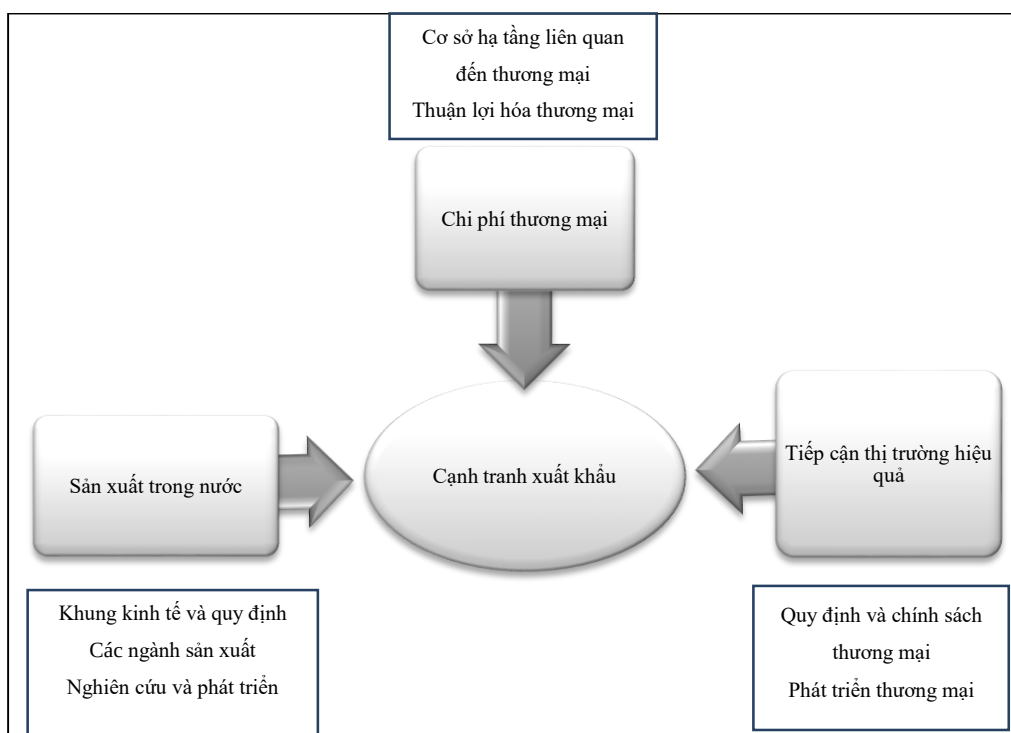
³ Tổ chức Thương mại Thế giới (World Trade Organization – WTO)

dựng năng lực sản xuất để tăng năng suất sản xuất: Cùng cố các thành phần kinh tế, từ việc cải tiến các phòng thí nghiệm đến các chuỗi cung ứng tốt hơn, để tăng khả năng cạnh tranh trong thị trường xuất khẩu; (5) Các chính sách hỗ trợ khác liên quan đến thương mại để giúp các quốc gia tối đa hóa lợi ích từ thương mại tự do; và (6) Các hỗ trợ khác liên quan đến thương mại.



Hình 1. Hỗ trợ thương mại và các tác động

Nguồn: WTO/OECD Trade Capacity Building Database (2006)



Hình 2. Những yếu tố cải thiện cạnh tranh xuất khẩu

Nguồn: OECD (2006)

Theo Hình 2, khả năng cạnh tranh xuất khẩu của một quốc gia dựa vào ba yếu tố chính là: Sản xuất trong nước, chi phí thương mại, và mức độ tiếp cận thị trường hiệu quả. Ba yếu tố này đều nằm trong chính sách hỗ trợ thương mại của WTO (2006). Như vậy, có thể thấy các chính sách hỗ trợ thương mại hầu như đều có tác động thúc đẩy xuất khẩu của một quốc gia.

2.2. *Nghiên cứu thực nghiệm*

Bên cạnh các lý thuyết về hỗ trợ thương mại, nhiều nghiên cứu thực tiễn cũng đã tìm hiểu về tác động của hỗ trợ thương mại đối với xuất khẩu. Cali và Velde (2009) đã xem xét ảnh hưởng của hỗ trợ thương mại lên 120 nước đang phát triển và kết luận hỗ trợ thương mại tạo thuận lợi cho xuất khẩu khi giảm thời gian và chi phí để xuất khẩu. Vijil và Wagner (2010) sau khi nghiên cứu thực nghiệm cũng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của hỗ trợ thương mại trong việc thúc đẩy xuất khẩu của các nước tiếp nhận. Sử dụng dữ liệu thương mại của 58 quốc gia thu nhập thấp và trung bình trong giai đoạn 1996–2011, Massa (2013) đã kiểm tra tác động của hỗ trợ thương mại đối với khối lượng xuất khẩu và đi đến kết luận hỗ trợ thương mại có tác động dương đối với xuất khẩu. Ghimire và cộng sự (2016) sử dụng dữ liệu của 121 nước đang phát triển tiếp nhận hỗ trợ thương mại trong giai đoạn 1995–2010 và tìm ra hỗ trợ thương mại có tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu.

Tuy vậy, một số nghiên cứu đã phát hiện rằng không tìm thấy sự tương quan nào giữa hỗ trợ thương mại và xuất khẩu. Kiute và cộng sự (2015) đã nghiên cứu về mối quan hệ giữa hỗ trợ thương mại và hoạt động xuất khẩu của 131 quốc gia đang phát triển giai đoạn 2000–2013; kết quả cho thấy tác động của hỗ trợ thương mại vào hoạt động xuất khẩu là không đáng kể mặc dù các yếu tố GDP, cung tiền, tỷ giá, độ mở cửa thương mại, sự minh bạch, tham nhũng và môi trường pháp lý có tác động tích cực. Tương tự, Dinç và Özenç (2014) sử dụng dữ liệu bảng gồm 23 nước hỗ trợ và 128 nước tiếp nhận hỗ trợ trong giai đoạn 2002–2009; kết quả cho thấy hỗ trợ thương mại không ảnh hưởng đến xuất khẩu của quốc gia tiếp nhận đến nước hỗ trợ, cũng như nhập khẩu của nước tiếp nhận từ nước hỗ trợ.

Ngoài hỗ trợ thương mại, một số nghiên cứu còn xem xét tác động của các yếu tố khác đến xuất khẩu, như: Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người, khủng hoảng kinh tế, chi phí thương mại, sản lượng sản xuất và tỷ giá hối đoái. Trần Thanh Long và Phan Thị Quỳnh Hoa (2015) sử dụng mô hình lực hấp dẫn trong thương mại để phân tích tác động của GDP đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong giai đoạn 2010–2014, kết quả cho thấy khi GDP Việt Nam tăng thì xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tăng. Abiad và cộng sự (2014) đã tìm ra cuộc khủng hoảng tài chính làm giảm xuất khẩu đáng kể sang các nước khủng hoảng. Khan và Kalirajan (2011) sử dụng mô hình lực hấp dẫn để kiểm tra tác động của chi phí thương mại tại Pakistan và đã chỉ ra rằng sự tăng trưởng của xuất khẩu trong giai đoạn 1994–2004 chủ yếu là do việc giảm chi phí thương mại ở các nước đối tác. Krutskiykh (2012) nghiên cứu tiềm năng xuất khẩu cá của Naury sang Đông Âu và Tây Âu thông qua mô hình lực hấp dẫn trên cơ sở dữ liệu 10 nước nhập khẩu cá từ Naury ở Đông Âu và Tây Âu trong giai đoạn 1993–2010, nghiên cứu đã tìm thấy sự gia tăng xuất khẩu khi sản lượng thủy sản của quốc gia đó tăng. Perea và Steinherr (1989) đã chỉ ra rằng sự gia tăng biến động tỷ giá sẽ có tác động xấu đến khối lượng thương mại quốc tế.

3. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Mô hình lực hấp dẫn trong thương mại quốc tế được áp dụng khá phổ biến trong nghiên cứu thực nghiệm kể từ nghiên cứu của Anderson và van Wincoop (2003). Mô hình này giả định có mối quan hệ tích cực giữa thương mại song phương với quy mô của đối tác thương mại. Một quốc gia sẽ có xu hướng giao thương nhiều hơn với một quốc gia đối tác có GDP lớn hơn là với những đối tác có GDP thấp vì năng lực thương mại và sức mua của những nước này sẽ lớn hơn. Thế nhưng giá trị thương mại sẽ bị cản trở bởi khoảng cách giữa hai quốc gia, sự khác biệt về văn hóa, rào cản gia nhập thị trường.

Dựa trên lý thuyết về mô hình lực hấp dẫn và các nghiên cứu trước, tác giả áp dụng mô hình nghiên cứu như sau:

$$\ln XK_{it} = \beta_0 + \beta_1 * HTTM_{it} + \beta_2 * KH_t + \beta_3 * HTTM_{it} * KH_t + \beta_4 * \ln GDP_{pcit} + \beta_5 * \ln CPTM_{it} + \beta_6 * \ln SL_{it} + \beta_7 * \ln TGHD_{it} + u_i + e_{it}$$

Trong đó,

$\ln XK_{it}$: Logarit tự nhiên của tổng xuất khẩu từ nước i đến Mỹ tại thời gian t;

$HTTM_{it}$: Hỗ trợ thương mại nước i nhận tại thời gian t với 0 là không có hỗ trợ thương mại và 1 là có hỗ trợ thương mại;

KH_t : Khủng hoảng kinh tế tại thời gian t;

$HTTM_{it} * KH_t$: Biến tương tác giữa khủng hoảng kinh tế tại thời gian t và hỗ trợ thương mại;

$\ln GDP_{pcit}$: Logarit tự nhiên của tổng thu nhập bình quân đầu người của nước i tại thời gian t;

$\ln CPTM_{it}$: Logarit tự nhiên của chi phí thương mại của nước i tại thời gian t;

$\ln SL_{it}$: Logarit tự nhiên của sản lượng sản xuất của nước i tại thời gian t;

$\ln TGHD_{it}$: Logarit tự nhiên của tỷ giá hối đoái của nước i tại thời gian t;

Các hệ số với dấu kỳ vọng tương ứng là $\beta_1, \beta_4, \beta_6, \beta_7 > 0$ và $\beta_2, \beta_5 < 0$; u_i và e_{it} lần lượt là phần dư đặc thù của nước i và phần dư còn lại

Bảng 1

Bảng mô tả và kỳ vọng biến

Tên biến	Ký hiệu biến	Mô tả	Kỳ vọng	Nghiên cứu liên quan
Tổng xuất khẩu	$\ln XK_{it}$	Logarit tự nhiên của tổng xuất khẩu từ nước i đến Mỹ tại thời gian t		
Hỗ trợ thương mại	$HTTM_{it}$	Hỗ trợ thương mại nước i nhận tại thời gian t 0: Không có hỗ trợ thương mại 1: Có hỗ trợ thương mại	+	Cali và Velde (2009), Vijil và Wagner (2010), Massa (2013), Ghimire và cộng sự (2016)

Tên biến	Ký hiệu biến	Mô tả	Kỳ vọng	Nghiên cứu liên quan
Khủng hoảng kinh tế	KH_t	Khủng hoảng kinh tế tại thời gian t 0: Giai đoạn 2001–2007 1: Giai đoạn 2008–2014	–	Abiad và cộng sự (2014)
Hỗ trợ thương mại x Khủng hoảng kinh tế	$HTTM_{it} \times KH_t$	Biến tương tác hỗ trợ thương mại và khủng hoảng kinh tế	+	
GDP bình quân đầu người	$\ln GDP_{pcit}$	Logarit tự nhiên của tổng thu nhập bình quân đầu người của nước i tại thời gian t	+	Trần Thanh Long và Phan Thị Quỳnh Hoa (2015)
Chi phí thương mại	$\ln CPTM_{it}$	Logarit tự nhiên của chi phí thương mại của nước i tại thời gian t	–	Khan và Kalirajan (2011)
Sản lượng	$\ln SL_{it}$	Logarit tự nhiên của sản lượng sản xuất của nước i tại thời gian t	+	Krutskykh (2012)
Tỷ giá hối đoái	$\ln TGHD_{it}$	Logarit tự nhiên của tỷ giá hối đoái của nước i tại thời gian t	+	Trần Thanh Long và Phan Thị Quỳnh Hoa (2015), Krutskykh (2012)

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu gồm 46 quốc gia có thu nhập thấp và trung bình có hoạt động xuất khẩu thủy sản vào Mỹ liên tục trong giai đoạn 2001–2014 (Bảng 2), tạo thành mẫu nghiên cứu gồm có 644 quan sát, trong đó có 10 nước thuộc châu Á, 16 nước thuộc châu Mỹ, 14 nước thuộc châu Phi, 3 nước thuộc châu Đại Dương và 3 nước thuộc châu Âu. Bốn nước xuất khẩu thủy sản đứng đầu vào thị trường Mỹ là: Trung Quốc (9,346%), Việt Nam (5,720%), Thái Lan (5,187%) và Indonesia (5,028%). Ngoài ra, tổng xuất khẩu thủy sản của 46 quốc gia trên có thị phần gần 50% trong tổng kim ngạch nhập khẩu thủy sản của Mỹ.

Bảng 2

Danh sách các quốc gia xuất khẩu thủy sản vào Mỹ giai đoạn 2001–2014

Trung Quốc	Colombia	Tunisia
Việt Nam	Nam Phi	Ukraine
Thái Lan	Belize	Tonga
Indonesia	Sri Lanka	Mô-dăm-bích
Ấn Độ	Fiji	Bulgaria

Ecuador	Guatemala	Ma-rốc
Mexico	El Salvador	Ghana
Panama	Liên bang Nga	Madagascar
Malaysia	Namibia	Zambia
Braxin	Thổ Nhĩ Kỳ	Malawi
Peru	Jamaica	Burundi
Honduras	Uganda	Armenia
Argentina	Cộng hòa Dominican	Paraguay
Costa Rica	Samoa	Cameroon
Philippin	Maritius	
Nicaragua	Senegal	

Nguồn: Tổng hợp từ UNComtrade

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của những nước thuộc mẫu nghiên cứu lấy từ hệ thống dữ liệu phân ngành hệ HS được lấy từ cơ sở dữ liệu thống kê thương mại của Liên Hiệp Quốc UNComtrade. Theo đó, dữ liệu ngành thủy sản được sử dụng gồm có 8 phân ngành nhỏ hơn là: Cá sống (0301), cá tươi (0302), cá đông lạnh (0303), phile cá ướp lạnh hoặc đông lạnh (0304), cá hun khói và bột cá (0305), động vật giáp xác (0306), nhuyễn thể (0307), động vật thủy sinh khác và động vật thân mềm (0308).

Dữ liệu GDP bình quân đầu người, chi phí thương mại, dữ liệu về tỷ giá được tìm kiếm thông qua ngân hàng thế giới; trong đó, chi phí thương mại gồm ba thành phần chính: Chi phí vận chuyển và hậu cần quốc tế; chi phí thuế quan và phi thuế quan, bao gồm chi phí gián tiếp và trực tiếp liên quan đến thủ tục và quy định thương mại; chi phí từ sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, tiền tệ. Dữ liệu tổng sản lượng thủy sản là tổng khối lượng nuôi trồng và đánh bắt của mỗi quốc gia được lấy dữ liệu từ FAO. Ngoài ra, theo báo cáo của UNCTAD⁴ (2009), nền kinh tế thế giới đối mặt với cuộc khủng hoảng toàn cầu trong quý cuối năm 2008, dẫn đến sự sụt giảm mạnh trong sản xuất công nghiệp và thương mại quốc tế.

Dữ liệu về hỗ trợ thương mại được thu thập từ OECD. Tuy nhiên, dữ liệu này thường chỉ thể hiện số liệu về tổng hỗ trợ thương mại của Mỹ (đối với tất cả các ngành) đến tất cả các nước nhận mà không thể hiện cụ thể số liệu hỗ trợ thương mại ở mỗi quốc gia. Vì vậy, nghiên cứu đã kết hợp lọc dữ liệu theo ngành thủy sản đối với các quốc gia thuộc nhóm Ủy ban Hỗ trợ phát triển thuộc OECD (DAC) cho các nước tiếp nhận là các nước trong nhóm thu nhập thấp và trung bình được Mỹ hỗ trợ thương mại.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Trong giai đoạn 2001–2014, giá trị trung bình của tổng xuất khẩu các quốc gia khoảng 121 triệu USD, trong đó, quốc gia có giá trị xuất khẩu thấp nhất (chỉ 0,0006 triệu USD) là Paraguay và quốc gia có giá trị xuất khẩu cao nhất (1.900 triệu USD) là Trung Quốc, đồng thời, độ lệch chuẩn giữa các

⁴ Hội nghị Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển (United Nations Conference on Trade and Development – UNCTAD)

quốc gia là 263 triệu USD đã cho thấy giữa các quốc gia có khoảng cách về xuất khẩu thủy sản rất cao. GDP bình quân đầu người trung bình là 3.596,2 USD, nhưng GDP bình quân đầu người của Madagasca thấp nhất là 0,12 USD và Argentina cao nhất là 16.007,2 USD khẳng định giữa các quốc gia này có khoảng cách về độ lớn GDP bình quân đầu người.

Bảng 3

Thông kê mô tả theo các biến số

Tên biến	Ký hiệu biến	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Tổng xuất khẩu (triệu USD)	XK	121	263	0,00006	1.900
GDP bình quân đầu người (USD)	GDP _{pc}	3.596,2	3.014,2	0,12	16.007,1
Chi phí thương mại (USD)	CPTM	187,5	96,89	48,78	622,8
Sản lượng thủy sản (triệu tấn)	SL	756	5.790	989	58.800
Tỷ giá hối đoái	TGHD	0,22	0,29	0,00004	1,39

Chi phí thương mại khi xuất khẩu sang Mỹ cũng có khoảng cách rất xa giữa các quốc gia với nhau: Chi phí xuất khẩu trung bình là 187,5 USD, nhưng độ lệch chuẩn là 96,89 USD, trong đó, nước có chi phí thương mại thấp nhất là Mexico với chỉ 48,78 USD, và Armenia có chi phí thương mại cao nhất là 622,8 USD. Giống như tổng xuất khẩu, sản lượng thủy sản của các quốc gia cũng có sự chênh lệch khá xa khi độ lệch chuẩn là 5.790 triệu tấn, trong đó, Armenia là quốc gia có sản lượng sản xuất thấp nhất với 989 triệu tấn và quốc gia cao nhất là Trung Quốc với 58.800 triệu tấn.

Bảng 4 thể hiện kết quả ước lượng dữ liệu theo cả ba phương pháp bình phương tối thiểu (OLS), sau đó áp dụng phương pháp dữ liệu bảng nhân tố không đổi (FEM) và nhân tố biến đổi (REM) và cuối cùng, phương pháp Driscoll và Kraay. Nghiên cứu tiến hành phân tích ma trận hệ số tương quan và thấy rằng hầu như các biến độc lập đều có hệ số tương quan thấp, không có sự tương quan với nhau. Để củng cố thêm về kết luận này, nghiên cứu tiến hành kiểm định đa cộng tuyến để xem giữa chúng có xảy ra đa cộng tuyến hay không. Kết quả sau khi kiểm định đa cộng tuyến là các biến đều có hệ số nhân tử phóng đại VIF < 10, càng củng cố kết luận các biến này không có tương quan với nhau, hay có thể nói mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Phương pháp Driscoll và Kraay để khắc phục các khuyết tật của mô hình về phương sai sai số thay đổi và tự tương quan, được áp dụng nhằm xem xét tính ổn định của kết quả. Kết quả nghiên cứu ở mô hình sau cùng là tối ưu nhất.

Bảng 4

Kết quả ước lượng giai đoạn 2001–2014

	Mô hình OLS	Mô hình REM	Mô hình FEM	Mô hình FEM/Driscoll và Kraay
HTTM	0,683*** [0,257]	0,693*** [0,129]	0,674*** [0,127]	0,674*** [0,090]
KH	-0,821*** [0,266]	-0,507*** [0,136]	-0,389*** [0,137]	-0,389** [0,175]
HTTM x KH	0,45 [0,365]	0,259 [0,184]	0,269 [0,182]	0,269* [0,142]
lnGDP _{pc}	0,803*** [0,095]	0,703*** [0,206]	0,353 [0,28]	0,353 [0,204]
lnCPTM	-4,163*** [0,207]	-2,667*** [0,358]	-1,817*** [0,411]	-1,817** [0,635]
lnSL	0,287*** [0,032]	0,039 [0,035]	0,004 [0,037]	0,004 [0,049]
lnTGHD	-0,032 [0,039]	0,062 [0,118]	0,387 [0,245]	0,387*** [0,097]

Ghi chú: *, **, *** lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa 10%, 5% và 1%.

Giá trị trong dấu ngoặc vuông [] thể hiện sai số chuẩn

Như vậy, yếu tố hỗ trợ thương mại đều có tác động dương ở tất cả các mô hình. Ở giai đoạn 2001–2014, hỗ trợ thương mại có tác động cùng chiều đến xuất khẩu thủy sản của các quốc gia thu nhập thấp và trung bình sang Mỹ. Trên thực tế và theo kết quả của các nghiên cứu trước đó, khi một quốc gia càng nhận được nhiều hỗ trợ về thương mại thì khả năng giao thương của quốc gia đó càng dễ dàng. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng khi một quốc gia nhận được hỗ trợ thương mại thì kim ngạch xuất khẩu thủy sản của quốc gia đó sang Mỹ cao hơn so với khi không có hỗ trợ thương mại là 96,21%, con số này gần như tuyệt đối chứng tỏ rằng hỗ trợ thương mại có ảnh hưởng rất lớn đến xuất khẩu thủy sản. Như vậy, trong giai đoạn 2001–2014, hỗ trợ thương mại có ảnh hưởng rất mạnh đến xuất khẩu thủy sản sang Mỹ của các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình. Cùng với các nghiên cứu trước đó của Cali và Velde (2009), Vijil và Wagner (2010), Ghimire và cộng sự (2016), và đặc biệt là Massa (2013) khi cùng nghiên cứu trên các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, kết luận này của nghiên cứu đã củng cố thêm rằng hỗ trợ thương mại có tác động tích cực đến xuất khẩu thủy sản.

Xuất khẩu thủy sản cũng chịu tác động mạnh bởi khủng hoảng kinh tế, cụ thể hơn là làm giảm kim ngạch xuất khẩu thủy sản vào Mỹ. Hoạt động xuất khẩu thủy sản trong thời gian có khủng hoảng kinh tế giảm đi 46,55% so với khi không có khủng hoảng kinh tế. Theo Abiad và cộng sự (2014), khủng hoảng tài chính sẽ làm sụt giảm lớn trong nhập khẩu của các nước khủng hoảng. Vì vậy, kết luận này của nghiên cứu là phù hợp với kết quả của các nghiên cứu trước – khi Mỹ là quốc gia nhập khẩu thủy sản và là quốc gia khởi đầu của cuộc khủng hoảng năm 2008. Khủng hoảng kinh tế không

những ảnh hưởng đến xuất khẩu mà còn ảnh hưởng đến tác động của hỗ trợ thương mại đến xuất khẩu thủy sản. Khủng hoảng kinh tế đã làm giảm đi 30,86% sự ảnh hưởng của hỗ trợ thương mại đến xuất khẩu thủy sản. Mỹ là quốc gia nhập khẩu thủy sản, cũng chính là quốc gia thực hiện hỗ trợ thương mại cho các nước xuất khẩu, vì vậy, khi khủng hoảng xảy ra đã làm giảm nhu cầu tiêu dùng thủy sản của Mỹ, từ đó dẫn đến việc hỗ trợ thương mại từ Mỹ không còn được thực hiện tốt như trước.

Nghiên cứu của Khan và Kalirajan (2011) đã kết luận chi phí thương mại có tác động tiêu cực đến xuất khẩu. Nghiên cứu của tác giả trong giai đoạn 2001–2014 cũng đưa ra kết luận tương tự, khi chi phí thương mại giảm đi 1% thì xuất khẩu thủy sản của các quốc gia thu nhập thấp và trung bình vào Mỹ tăng 1,87%.

Tỷ giá hối đoái sử dụng trong nghiên cứu chính là tỷ số giữa đồng nội tệ trên đồng USD. Vậy nên khi tỷ giá hối đoái tăng, đồng nghĩa đồng nội tệ mất giá so với đồng USD, điều này sẽ kích thích xuất khẩu. Với mức ý nghĩa 1%, tỷ giá hối đoái có tác động cùng chiều với kim ngạch xuất khẩu thủy sản, khi tỷ giá tăng 1% thì kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 0,387%. Tác động này phù hợp với các nghiên cứu trước của Trần Thanh Long và Phan Thị Quỳnh Hoa (2015), Krutskyykh (2012).

Vậy hỗ trợ thương mại luôn có tác động tích cực đối với xuất khẩu thủy sản của các quốc gia thu nhập thấp và trung bình sang Mỹ. Khủng hoảng kinh tế cũng có tác động mạnh đối với việc xuất khẩu thủy sản của các quốc gia này, đồng thời, khủng hoảng cũng có tác động đến hỗ trợ thương mại, làm giảm tác động của hỗ trợ thương mại đối với xuất khẩu thủy sản của các quốc gia. GDP bình quân đầu người không có ý nghĩa gì đối với xuất khẩu thủy sản. Chi phí thương mại và hoạt động xuất khẩu thủy sản có mối quan hệ nghịch biến với nhau trong giai đoạn 2001–2014. Sản lượng sản xuất thủy sản tại mỗi quốc gia không ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu thủy sản của các quốc gia này. Tỷ giá hối đoái tăng, tức đồng nội tệ mất giá, sẽ làm gia tăng xuất khẩu thủy sản của các quốc gia thu nhập thấp và trung bình sang Mỹ.

5. Kết luận

Hỗ trợ thương mại nhằm tạo điều kiện cho các quốc gia tiếp nhận trong việc thúc đẩy thương mại, gia tăng xuất khẩu. Bên cạnh đó, ngành thủy sản ngày càng phát triển, thương mại thủy sản đã mở rộng đáng kể trong những thập kỷ gần đây. Để tìm hiểu sâu hơn về sự ảnh hưởng của hỗ trợ thương mại đến ngành thủy sản, tác giả tập trung nghiên cứu sự ảnh hưởng của hỗ trợ thương mại đến việc xuất khẩu thủy sản thông qua 46 quốc gia thu nhập thấp và trung bình vào thị trường Mỹ bằng phương pháp Driscoll và Kraay. Dựa trên cơ sở lý thuyết của hỗ trợ thương mại và các nghiên cứu liên quan đến hỗ trợ thương mại đối với xuất khẩu, nghiên cứu đã xây dựng mô hình nghiên cứu với hỗ trợ thương mại là biến độc lập chính và các biến khác như: Khủng hoảng kinh tế, GDP bình quân đầu người, chi phí thương mại, sản lượng và tỷ giá hối đoái.

Nghiên cứu cho thấy việc sử dụng mô hình lực hấp dẫn để nghiên cứu sự tác động của hỗ trợ thương mại đến kim ngạch xuất khẩu thủy sản là phù hợp. Kết quả nghiên cứu chứng minh tác động tích cực của hỗ trợ thương mại đến kim ngạch xuất khẩu thủy sản của 46 quốc gia sang Mỹ trong giai đoạn 2001–2014. Khủng hoảng kinh tế cũng có tác động mạnh đối với việc xuất khẩu thủy sản của các quốc gia này, đồng thời khủng hoảng cũng có tác động đến hỗ trợ thương mại, làm giảm tác động của hỗ trợ thương mại đối với xuất khẩu thủy sản của các quốc gia. Chi phí thương mại và hoạt động xuất khẩu thủy sản có mối quan hệ nghịch biến với nhau trong giai đoạn 2001–2014. Tỷ giá hối đoái

tăng, tức đồng nội tệ mất giá, sẽ làm gia tăng xuất khẩu thủy sản của các quốc gia thu nhập thấp và trung bình sang Mỹ.

Để đưa ra một chính sách còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như thể chế. Vì vậy, nghiên cứu chỉ tìm hiểu tác động và nhận diện một số chính sách để thúc đẩy hỗ trợ thương mại chứ không chú trọng đưa ra một chính sách cụ thể nào. Về phía các nhà quản trị chính sách, cần có chính sách sử dụng hỗ trợ thương mại hiệu quả hơn nữa, đưa ra các biện pháp nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả hỗ trợ thương mại. Đồng thời, cần xem xét việc điều hướng của hỗ trợ thương mại đến ngành. Nghiên cứu này không nhằm tìm ra phương pháp để thúc đẩy hỗ trợ thương mại mà tập trung vào vấn đề làm sao để sử dụng tối ưu hỗ trợ thương mại, như các quốc gia cần tạo dựng mối quan hệ tốt với nước nhập khẩu quan trọng như Mỹ, luôn ý thức nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng hình ảnh sản phẩm để tận dụng những hỗ trợ từ Mỹ. Theo OECD (2006), để phát triển xuất khẩu, phải đẩy mạnh các yếu tố như: Gia tăng sản xuất trong nước, giảm chi phí thương mại và đẩy mạnh khả năng tiếp cận thị trường hiệu quả.

Khủng hoảng kinh tế không những có tác động xấu đến xuất khẩu thủy sản, mà còn có tác động tiêu cực đến hiệu quả của hỗ trợ thương mại. Vì vậy, các quốc gia cần chủ động hơn trong xuất khẩu, không nên phụ thuộc quá nhiều vào hỗ trợ của nước khác để tránh gặp tình trạng sa sút nếu khủng hoảng xảy ra ■

Tài liệu tham khảo

- Abiad, A., Mishra, P., & Topalova, P. (2014). How does trade evolve in the aftermath of financial crises?. *IMF Economic Review*, 62(2), 213–247.
- Anderson, J. E., & van Wincoop, E. (2003). Gravity with gravitas: A solution to the border puzzle. *The American Economic Review*, 93(1), 170–192.
- Cali, M., & Velde, D. W. (2009). *Does aid for trade really improve trade performance?* Retrieved from https://www.wto.org/english/res_e/reser_e/gtdw_e/wkshop09_e/cali_e.pdf
- Dinç, T., & Özenç, F. K. (2014). *Does Aid for trade benefit recipient countries*. Retrieved August 17, 2017, from <http://www.etsg.org/ETSG2014/Papers/404.pdf>
- FAO. (2014). *The state of world fisheries and aquaculture*. Retrieved from <http://www.fao.org/3/a-i3720e.pdf>
- Ghimire, S., Mukherjee, D., & Alvi, E. (2016). Aid for trade and export performance of developing countries. *Applied Econometrics and International Development*, 16(1), 23–34.
- Khan, U., & Kalirajan, K. (2011). The impact of trade costs on exports: An empirical modeling. *Economic Modeling*, 28(3), 1341–1347.
- Kiute, L. S., Nasiri, A., Alley, A., & Wenxue, J. (2015). Aid for trade and export performance of developing countries. *Developing Country Studies*, 5(14), 5–14.
- Krutsykh, K. (2012). *Norwegian fish export potential to eastern and western Europe*. Retrieved from <https://brage.bibsys.no/xmlui/bitstream/handle/11250/187356/master%20thesis.pdf>
- Massa, I. (2013). Aid for trade facilitation in lower-income countries. *ODI Report*. Retrieved from <https://www.odi.org/sites/odi.org.uk/files/odi-assets/publications-opinion-files/8672.pdf>

- OECD. (2006). *The development dimension - Aid for trade - Making it effective*. Retrieved from <http://www.oecd.org/dac/aft/37198197.pdf>
- Peree, E., & Steinherr, A. (1989). Exchange rate uncertainty and foreign trade. *European Economic Review*, 33(6), 1241–1264.
- Stiglitz, E., & Charlton, A. (2006). Aid for trade. *International Journal of Development Issues*, 5(2), 1–41. doi: 10.1108/eb045861
- Spanos, T. H., & Hreinsson, E. O. (2015). *United States seafood market report*. Retrieved from https://www.islandsbanki.is/library/Skrar/Seafood-reports/International_Seafood_Report_low.pdf
- Trần Thanh Long, & Phan Thị Quỳnh Hoa. (2015). Phân tích các yếu tố tác động đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 13, 32–34.
- UNCTAD. (2009). *Global economic crisis: Implications for trade and development*. Retrieved from http://unctad.org/en/Docs/cicrp1_en.pdf
- Vijil, M., & Wagner, L. (2010). Does aid for trade enhance export performance? Investigating on the infrastructural channel'. *Working Paper SMART-LERECO No. 10-07*. Retrieved from <https://ageconsearch.umn.edu/bitstream/210383/2/WP%20SMART-LERECO%2010-07.pdf>
- WTO/OECD Trade Capacity Building Database. (2006). *Recommendations of the task force on aid for trade*. Retrieved from <https://www.odi.org/sites/odi.org.uk/files/odi-assets/publications-opinion-files/4990.pdf>